CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 145/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về:

1. Phân định trách nhiệm, thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn của Bộ Xây dựng; thực hiện trách nhiệm, thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã được phân định theo quy định của Nghị định này.

2. Phân quyền, phân cấp trách nhiệm, thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có trách nhiệm, thẩm quyền trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn được quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 2. Nguyên tắc phân định thẩm quyền và phân quyền, phân cấp

1. Nguyên tắc chung:

a) Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp, phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

b) Bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

c) Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

d) Bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của cơ quan, xã hội, người dân và doanh nghiệp; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật.

đ) Bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

e) Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phân định thẩm quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

2. Ngoài các nguyên tắc chung, việc phân định thẩm quyền bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương.

b) Bảo đảm phân định rõ thẩm quyền giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

3. Ngoài các nguyên tắc chung, việc phân quyền, phân cấp bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương, bảo đảm thẩm quyền quản lý thống nhất của

Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.

b) Bảo đảm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô; xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

c) Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định.

d) Thực hiện phân quyền, phân cấp giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn.

Điều 3. Về phí, lệ phí

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

Chương II
PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN KHI TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP TRONG LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Điều 4. Phân định trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được phân định như sau:

a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới đơn vị hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

c) Trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo quy định về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch quy định tại pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 5. Phân định trách nhiệm tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Trách nhiệm tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được phân định như sau:

a) Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn đối với quy hoạch có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên và quy hoạch chung xã do cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

b) Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn đối với quy hoạch có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã do cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

c) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về tổ chức thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện trách nhiệm tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo quy định về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch quy định tại pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 6. Phân định thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được phân định như sau:

a) Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn đối với quy hoạch có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên và quy hoạch chung xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

b) Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đối với quy hoạch có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

c) Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Căn cứ tính chất, phạm vi, quy mô quy hoạch, nhu cầu đầu tư, yêu cầu quản lý phát triển; sự phù hợp về năng lực, khả năng thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã; đồng thời, cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền trách nhiệm thẩm định các nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn cho cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo quy định về trình tự lập, thẩm định,

phê duyệt và công bố quy hoạch quy định tại pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 7. Phân định trách nhiệm trong tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về lưu giữ hồ sơ cắm mốc đã được phê duyệt và có trách nhiệm cung cấp tài liệu liên quan đến mốc giới cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm được phân định tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Chương III
PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Điều 8. Phân quyền trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trách nhiệm được phân quyền tại khoản 1 Điều này theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 9. Phân quyền trách nhiệm tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về thẩm định quy hoạch chung khu du lịch quốc gia do cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về thẩm định quy hoạch chi tiết của dự án quốc phòng, an ninh cần bảo đảm bí mật nhà nước do cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện.

3. Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện trách nhiệm được phân quyền tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 10. Phân quyền, phân cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung đô thị và đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương tương đô thị loại I thuộc tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung khu du lịch quốc gia do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

3. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về phê duyệt quy hoạch chi tiết của dự án quốc phòng, an ninh cần bảo đảm bí mật nhà nước do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện.

4. Trình tự, thủ tục để cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ được phân quyền tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ được phân quyền tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này theo trình tự, thủ tục phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn;

b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trực thuộc trong tổ chức lập, thẩm định, công bố, rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình, bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; được quyết định phân cấp, ủy quyền đối với quy định tại khoản 3 Điều này theo quy định về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chi tiết.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến khi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành, các quy định tại điều, khoản, điểm sau đây của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện như sau:

1. Không tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chung huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 3, Điều 28 và điểm b khoản 2 Điều 41.

2. Không thực hiện tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chung thị trấn, quy hoạch chung đô thị mới dự kiến trở thành thị trấn theo quy định tại khoản 4 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 17, Điều 24 và điểm b khoản 2 Điều 41.

3. Không tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn đối với đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của từ 02 tỉnh trở lên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 và điểm a khoản 1 Điều 41.

4. Không thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu vực thuộc quy hoạch chung huyện đã được phê duyệt theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 3, Điều 30, khoản 3 Điều 38, khoản 3 Điều 41.

5. Không thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Xây dựng đối với quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37, trừ trường hợp quy hoạch chung đô thị là trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh.

6. Không thực hiện lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng đối với quy định quản lý theo quy hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 49.

7. "Thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã, đô thị mới" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và các tại điều, khoản, điểm của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn là "đô thị thuộc tỉnh".

8. "Quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thị xã và quy hoạch chung đô thị mới dự kiến trở thành thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương" quy định tại Điều 23 là "quy hoạch chung đô thị thuộc tỉnh".

9. "Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 là "Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã".

10. "Huyện, xã" quy định tại khoản 2 Điều 45 và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 46 là "nông thôn".

11. "Ủy ban nhân dân cấp huyện" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37, khoản 3 Điều 48, khoản 2 Điều 55 và khoản 7 Điều 59 là "Ủy ban nhân dân cấp xã".

12. "Thành phố", "thị xã" trong Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn là đô thị thuộc tỉnh.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này được thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 và các quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy hoạch đô thị và nông thôn đang được Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, chưa được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch thì trách nhiệm lập, thẩm định và thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đang được Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã được cấp có thẩm quyền quyết định và tình hình thực tiễn để quyết định việc điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch hoặc tiếp tục thực hiện trách nhiệm, thẩm quyền tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 và quy định tại Nghị định này.

3. Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập và đã được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn hiệu lực của quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024.

4. Quy hoạch đô thị và nông thôn đang được Ủy ban nhân dân cấp xã trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính tổ chức lập, thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã mới sau sáp nhập phê duyệt quy hoạch theo quy định./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình